

Bản án số: 905/2024/HS-PT  
Ngày 24 tháng 9 năm 2024

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Tuyết Trinh

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Tửu

Ông Mai Xuân Thành

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Phương Hà - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Vũ Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 724/2024/TLPT-HS ngày 07 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Thành N; Do có kháng cáo của bị hại là bà Trần Quỳnh C, ông Nguyễn Ngọc D đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 278/2024/HS-ST ngày 13 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 977/2024/QĐXXPT-HS ngày 13 tháng 9 năm 2024, đối với:

***- Bị cáo bị kháng cáo:***

1. Nguyễn Thành N; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Đ; Sinh năm 1990 tại tỉnh Tiền Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Không; Nơi đăng ký thường trú: 562 đường Đ, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: 3.2-B3 chung cư K, A đường N, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; Con ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Minh H; Hoàn cảnh gia đình: Chưa có vợ con; Tiền án: Ngày 08/01/2016, bị Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo bản án số 02/2016/HSST, chấp xong hình phạt tù ngày 28/9/2018 nhưng chưa nộp án phí; Tiền sự: không; Bắt tạm giữ ngày 01/3/2023, tạm giam ngày 10/3/2023, (vắng mặt).

2. Vũ Văn D1; Giới tính: Nam; Sinh năm 2000 tại tỉnh Nam Định; Quốc

tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Không; Nơi đăng ký thường trú: Xóm B, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; Nơi cư trú: 11/18 đường Đ, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; Con Vũ Văn Đ1 và bà Nguyễn Thị L1; Chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không; Bắt tạm giữ ngày 01/3/2023, Tạm giam ngày 10/3/2023, (có mặt).

3. Vũ Văn Đ2; Giới tính: N; sinh năm 1998 tại tỉnh Nam Định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Không; Nơi đăng ký thường trú: Xóm B, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; Nơi cư trú: 11/18 đường Đ, khu phố B, B, T, Bình Dương; Con ông Vũ Văn Đ1 và bà Nguyễn Thị L1; Chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không; Bắt, tạm giữ ngày 01/3/2023, Tạm giam ngày 10/3/2023

4. Nguyễn Xuân V; Giới tính: N; Sinh năm 1990 tại tỉnh Bình Định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Không; Nơi đăng ký thường trú: 47/80 đường T, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: A đường Số B, Phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; Con ông Nguyễn Ngọc C1 (chết) và bà Nguyễn Thị M; Vợ tên Nguyễn Thị Mỹ H1, có 02 con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không; Bắt tạm giữ ngày 01/3/2023, Tạm giam ngày 10/3/2023 (vắng mặt).

- *Người bào chữa chỉ định cho bị cáo:* Luật sư Huỳnh Kim N1 - thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H, (vắng mặt).

- *Người bị hại:*

1. Ông Nguyễn Ngọc D; sinh năm 1974, (có mặt).

2. Bà Trần Quỳnh C; sinh năm 1974, (có mặt).

Cùng nơi cư trú: A1.21.11 Chung cư T, C B, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh;

*(Ngoài ra trong vụ án còn có 11 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập).*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Khoảng tháng 12/2021, bị cáo Nguyễn Thành N nảy sinh ý định làm giấy tờ giả để sử dụng lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác. Để thực hiện ý định vừa nêu, N dùng tài khoản Zalo mang tên “Haile” liên lạc với tài khoản Z “Tuấn A” đặt làm giả căn cước công dân số 082070005968, mang tên Bùi Nguơn P, sinh năm 1970; Nơi thường trú tại 7 V, Phường C, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Đồng thời, Nam thuê bị cáo Nguyễn Xuân V (người sử dụng tài khoản Zalo “Lê Tấn T”) làm giả các con dấu sau:

- 03 con dấu có chữ ký;

- 03 con dấu tên, mang các tên Bùi Nguơn P, Lê Quang H2 và Nguyễn Minh C2;

- 06 con dấu khắc chữ “Đã thu tiền”; “Kế toán”; “Trưởng phòng”; “Giám đốc”; “Phó giám đốc”; “Sao y bản chính, ngày...tháng...năm”.

Sau đó, N truy cập vào mạng internet liên lạc với bà Hà Thị Huyền L2 (là nhân viên Công ty W, địa chỉ tại D V, phường Đ, Quận A), tự xưng tên là Lê Quang H2 và thuê bà L2 làm thủ tục đăng ký thành lập Công ty TNHH X (gọi tắt là Công ty X), người đứng tên thành lập công ty là Bùi Nguơn P, văn phòng Công ty đặt tại tầng 12, CitiLight Tower, số D V, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; giá thuê thành lập Công ty là 9.800.000đ và giá thuê văn phòng đại diện (ảo) là 500.000đ/tháng.

Ngày 25 và ngày 27/02/2023, N chuyển trụ sở Công ty X về địa chỉ Lầu A, Tòa nhà H, số C L, Phường A, quận T. Sau đó, N thuê Võ Thanh H3, Nguyễn Thị Kim P1, Dương Thị Kiều T1 và Hà Thị Huyền L2 làm nhân viên tiếp khách, thuê Nguyễn Mạnh Q (nhân viên bảo vệ Công ty B2) làm bảo vệ của Công ty X. N truy cập vào mạng internet tìm kiếm thông tin “môi giới nhà đất Quận B” và liên lạc được với người tên T2 (sử dụng tài khoản Zalo “Đức Thịnh”, chưa rõ lai lịch) tự xưng là “cò” môi giới nhà đất. Theo yêu cầu của N, thông qua ứng dụng Zalo, T2 gửi cho N hình ảnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) và vị trí lô đất nền thửa 985, tờ bản đồ số 69, có diện tích 192m<sup>2</sup>, thuộc khu dân cư Đ, phường A, Thành phố T, đang rao bán với giá 30.000.000.000đ.

Từ ngày 01/02/2023 đến ngày 05/02/2023, N dùng tài khoản Zalo “Haile” liên lạc với tài khoản Z “Tuấn A” của Vũ Văn D1 và Vũ Văn Đ2 đặt làm giả:

- GCNQSDĐ số BV 599322, công nhận thửa đất 985, tờ bản đồ số 69, diện tích 192m<sup>2</sup>, khu dân cư Đ, phường A, Thành phố T thuộc quyền sử dụng của Công ty TNHH X;

- GCNQSDĐ số BM 794266, công nhận thửa đất 83, tờ bản đồ số 78, diện tích 198,8m<sup>2</sup>, khu dân cư đường B, phường A, Thành phố T thuộc quyền sử dụng của Công ty TNHH X, có nguồn gốc do nhận chuyển nhượng của người khác.

Ngày 06/02/2023, N thuê đăng tin quảng cáo trên báo T6 4 kỳ liên tiếp, với nội dung: Rao bán thửa đất 985, liên hệ qua số điện thoại 0797916272 gặp Lê Quang H2, giá bán là 10.000.000.000đ.

Ngày 13/02/2023, ông Nguyễn Ngọc D và bà Trần Quỳnh C liên lạc với N qua điện thoại hỏi mua thửa đất 985 đã vừa nêu và hẹn sẽ đi xem đất vào ngày 14/02/2023. Cùng ngày, N liên lạc với bị cáo Nguyễn Xuân V đặt làm giả con dấu chữ ký, con dấu tên “Công chứng viên Tạ Hoài A1” và con dấu “Văn phòng C4” với giá 2.500.000đ. Sau khi xem đất, ông D và bà C đồng ý nhận chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất đã nêu với giá 7.980.000.000đ. Ngày 15/02/2023, N lấy tên là Lê Quang H2 ký Hợp đồng đặt cọc với ông D và bà C. Bà C chuyển cho N 200.000.000đ tiền đặt cọc. Sau khi nhận tiền, N đưa cho bà C 04 tờ Hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất có chữ ký mang tên Bùi Nguơn P và hình con dấu

của Công ty X để bà C ký tên, lăn tay vào Hợp đồng (trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ghi giá chuyển nhượng thửa đất 985 là 3.000.000.000đ). N nói khi nào nhận đủ 7.581.000.000đ thì Công ty X sẽ làm thủ tục sang tên cho ông D, bà C; ông D, bà C sẽ thanh toán số tiền còn lại. Ông D và bà C tưởng thật nên đồng ý. Sau đó, N liên lạc với Đ2 và D1 thông qua tài khoản Zalo “Tuấn A”, đặt làm giả GCNQSDĐ số BV 599322, công nhận thửa đất 985, tờ bản đồ số 69, diện tích 192m<sup>2</sup>, khu dân cư Đ, phường A, Thành phố T thuộc quyền sử dụng của Công ty TNHH X, có nội dung cập nhật thông tin chuyển nhượng từ Công ty X sang cho bà C. Sáng ngày 16/02/2023, N bảo P1 và T1 mang GCNQSDĐ giả vừa đề cập và bộ hồ sơ chuyển nhượng đến gặp ông D và bà C cho ông D và bà C xem. Tại Ngân hàng A4, số E – 58 – 60 đường H, phường B, Quận A, ông D và bà C giao 7.400.000.000đ cho N, Nam nộp vào tài khoản của Công ty X. Sau khi nhận được tiền, N đến tiệm V3 tại địa chỉ KA8 đường L, Phường H, quận T gặp bà Nguyễn Thị Hồng C3 là chủ tiệm vàng, dùng 7.340.000.000đ mua 310.000USD, rồi nạp vào tài khoản ví điện tử sàn giao dịch tiền ảo Binance. Sau đó, N chuyển 14.500.000đ cho Công ty H8 thanh toán tiền thuê văn phòng; chuyển 100.000.000đ cho H3, chuyển 100.000.000đ cho P1 và bảo H3 chi bồi dưỡng cho ông Q và bà T1 mỗi người 2.000.000đ. N sử dụng số tiền còn lại đầu tư vào sàn giao dịch tiền ảo và đã bị thua lỗ hết.

Ngày 01/3/2023, các bị cáo N, V, D1 và Đ2 bị Công an quận T bắt giữ. Khi tiến hành khám xét nơi ở của V và D1, Cơ quan điều tra đã tạm giữ của V và D1 nhiều công cụ, phương tiện làm con dấu và giấy tờ giả, các tài liệu giả.

Sau đó, Công an quận T chuyển vụ án đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H.

Trong quá trình điều tra, cơ quan điều tra có thu giữ một số đồ vật, tài liệu liên quan như sau:

*\* Vào ngày 20/02/2023, Cơ quan điều tra tiến hành khám xét trụ sở Công ty X tại Tầng A, Nhà số C đường L, Phường A, quận T, thu giữ được tại đây (bl.554-552):*

- 01 con dấu có chữ ký tên Bùi Nguơn P;
- 01 con dấu có chữ ký tên Lê Quang H2;
- 01 con dấu có chữ ký tên Nguyễn Minh C2;
- 01 con dấu tên Bùi Nguơn P;
- 01 con dấu tên Lê Quang H2;
- 01 con dấu tên Nguyễn Minh C2;
- 01 con dấu khắc chữ “Đã thu tiền”;
- 01 con dấu khắc chữ “Kê toán”;
- 01 con dấu khắc chữ “Trưởng phòng”;
- 01 con dấu khắc chữ “Giám đốc”;

- 01 con dấu khắc chữ “Phó giám đốc”;
- 01 con dấu khắc chữ “Sao y bản chính, ngày...tháng...năm...”;
- 01 con dấu khắc chữ Công ty TNHH X, MST: 0317112288, 33 L P.12 Q.T7 ; 01 con dấu tròn của công ty TNHH X, mã số doanh nghiệp C5;
- 01 hộp mực lăn tay;
- 02 Biên bản bàn giao hồ sơ số 01/BBBG ngày 20/02/2023 do Công ty TNHH X phát hành;
- 01 Thông báo về việc xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế TNCN cho NTT số 15893/TB-CT ngày 20/02/2023 của Cục thuế Thành phố H;
- 02 Phiếu thu số 2022/23 ngày 20/02/2023 do công ty TNHH X phát hành;
- 01 Giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước số 9771379, mã hiệu HCM10301 13 ngày 20/02/2023 của ngân hàng Á (A4);
- 01 thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà đất số LTB1907179-TK0031271/TBC-CT ngày 20/02/2023 của Cục Thuế Thành phố H;
- 04 CPU hiệu Dell được niêm phong;
- 04 con chuột vi tính có dây hiệu Bosston;
- 03 camera hiệu V4 không có thẻ nhớ, được niêm phong;
- 01 điện thoại bàn hiệu Panasonic màu trắng, 01 cục phát wifi (router) hiệu V4, được niêm phong;
- 04 bàn phím hiệu Bosston được niêm phong;
- 04 màn hình máy tính hiệu Dell được dán niêm phong;
- 01 máy in hiệu HP LaserJet Pro MFP M125a được dán niêm phong của Công an;
- 01 máy đếm tiền hiệu XIUDUN được niêm phong của Công an;
- 01 sổ tay màu đen.
- 01 GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số BV 559322
- 01 GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số BN 794266
- 01 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 58659 giữa Công ty TNHH X và Trần Quỳnh C, đề ngày 16/02/2023, có đóng dấu Phòng C6.
- 01 kết sắt bên trong chứa: 01 Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đứng tên Công ty TNHH X đề ngày 06/01/2022 và Thông báo về cơ quan thuế quản lý và 03 GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CP572434, CP572404, CT566930.
- 19.000.000đ;
- 02 hợp đồng ngày 20/02/2023 giữa bà Trần Quỳnh C với Công ty TNHH X;

- 02 phiếu thu số tiền 200.000.000đ;
- 04 Hợp đồng thuê việc.

*\* Vào ngày 25/02/2023, khi khám xét nơi ở của N tại Căn hộ C Chung cư T, xã P, huyện B, thu giữ được tại đây (bl.548):*

- 01 đồng hồ đeo tay mặt tròn, kim loại màu vàng - trắng có đính hạt màu trắng xung quanh mặt đồng hồ có chữ “Rolex”;
- 01 nhẫn kim loại màu trắng gắn nhiều hạt;
- 05 nhẫn kim loại màu vàng có đính hạt màu và hạt màu trắng;
- 02 dây chuyền bằng kim loại màu nâu trắng;
- 02 dây chuyền bằng kim loại màu vàng;
- 02 lắc bằng kim loại màu vàng;
- 01 giấy giám định kim cương;
- 12 biên nhận bán hàng (Công an quận T đã niêm phong);
- 01 GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG064516, kèm 07 tài liệu liên quan;
- 01 GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD035128, kèm 01 hợp đồng chuyển nhượng 03 tờ, 01 giấy ủy quyền 02 tờ, 01 hợp đồng đặt cọc 01 tờ, 01 biên lai bảo đảm;
- 01 Hộ chiếu số B6265975;
- 01 Hộ chiếu số K0348999;
- 01 Laptop HP màu đen;
- 01 xe mô tô loại SH 125, hiệu Honda, màu trắng đen, biển số: 59U2-21313;
- 3.200USD;
- 01 máy in phun màu Canon;
- 01 dấu tròn “Công ty TNHH Đ3”;
- 01 dấu “đã thu tiền”;
- 01 bộ quần áo;
- 2 đôi giày.

*\* Ngày 01/03/2023, khi khám xét chỗ ở của D1 tại Phòng số 4, nhà số A DT743B, Khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương, Cơ quan điều tra đã thu giữ được (bl.566-569):*

- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 003534;
- 01 tờ giấy A4, mặt đầu tiên có hình ảnh GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, dưới góc bên phải ghi CU 870575, có nhiều chữ viết và chữ ký chưa xác định;

- 01 “GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất”, góc dưới bên phải ghi DE 577641, số vào sổ cấp GCN: CH457596, có chữ ký, hình dấu mộc tròn của ông Nguyễn Tuấn A2, Phó chủ tịch UBND thành phố Đ, tỉnh Lai Châu;

- 01 “GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất”, dưới góc dưới bên phải ghi BM 216595, số vào sổ cấp GCN: CH00468, có chữ ký, hình dấu mộc tròn của Phó chủ tịch UBND huyện H, tỉnh Kiên Giang;

- 01 tờ giấy A4 có nội dung “Xác nhận thanh lý hợp đồng”, có hình dấu trong “Công ty T8”;

- 01 tờ giấy A4, có nội dung ảnh màu “Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 29008813;

- 01 tờ giấy A4, có nội dung ảnh màu “Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 000507;

- 01 tờ giấy A4, có nội dung ảnh màu “Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 29319667;

- 01 tờ giấy A4, có nội dung ảnh màu “Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 29034218;

- 01 giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 28/UBND-XNTTHN ngày 19/7/2020, có hình dấu tròn, chữ ký của Phó Chủ tịch UBND phường Đ, Quận A N;

- 01 tờ giấy A4, in nội dung “Trang bổ sung Giấy chứng nhận”, có hình dấu tròn, hình dấu tên, chức vụ Phó giám đốc Trần Trọng K;

- 01 Văn bản từ chối nhận tài sản chung có khoảng ½ dấu mộc tròn chữ “Văn Công Tòa”;

- 01 Giấy xác nhận có hình dấu tròn, chữ ký hiệu trưởng Trường Cao đẳng N5;

- 01 Giấy chứng nhận kết hôn số 50, tên vợ là Trần Thị N2, tên chồng là Hồng Quang L3, có hình dấu mộc tròn UBND xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau;

- 01 tờ giấy A4 “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất”, góc dưới bên phải ghi CH 870575;

- 01 miếng nhựa cứng trong suốt hình tròn, một mặt có H9 và dòng chữ “Bộ T9 và Môi T3” dạng khắc nổi khối, bị nứt 3 đường ở mặt sau;

- 01 miếng nhựa cứng trong suốt hình tròn, một mặt có H9 và dòng chữ “Bộ T9 và Môi T3” dạng khắc, mặt còn lại được dán đè nhiều lớp giấy màu trắng;

- 01 tờ giấy A4, có nội dung ảnh màu “Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy” số 024174;

- 06 lọ mực in màu đã sử dụng hết;

- 06 lọ mực in màu chưa sử dụng;

- 01 máy in nhãn hiệu EPSON L1800; Serial: UBLY069347 (đã qua sử dụng, chưa kiểm tra tình trạng bên trong máy);
  - 02 hộp Laminating Film size 67x57mm; 01 hộp Laminating Film size 150x200mm;
  - 04 tập giấy A4, loại in ảnh;
  - 05 tập giấy A3, loại in ảnh;
  - 02 tập bìa hồ sơ;
  - 01 tập bìa thư trong;
  - 01 viết bi mực xanh Gel Pen;
  - 02 viết bi mực đen 0.5mm TL-027;
  - 01 kéo cán nhựa màu đen;
  - 01 Laptop Dell Latitude E, service T10 (S/N): 474PG72;
  - 01 kiềm kẹp bằng kim loại;
  - 01 bàn, chân gấp;
  - 01 máy Yatai Laminator YT 320 (đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong máy);
  - 01 máy ép cơ mã Type JM-16 “ITOU”;
  - 3.000.000đ;
  - 01 nhẫn kim loại màu vàng;
  - 01 sợi dây chuyền dài khoảng 57cm bằng kim loại màu vàng;
  - 01 xe mô-tô loại Vario, hiệu Honda, màu xanh đen, biển số 60F2-99809.
- \* Vào ngày 27/02/2023, khi khám xét chỗ ở của V tại nhà số A Đường số B, Phường C, quận G, thu giữ được tại đây (bl.579-582):*
- 01 máy tính xách tay hiệu Asus Vivobook màu xám; model: M533i; số ID: PD9AX200NG (đã qua sử dụng);
  - 01 máy tính hiệu Dell màu tím có số 215997-0000379 (đã qua sử dụng);
  - 01 thẻ Ngân hàng V5 tên Bui Thanh Long số I1;
  - 01 thẻ ngân hàng V6 mang tên I1 số 5203950695595009;
  - 01 máy khắc dấu laser có kích thước cao khoảng 30cm, rộng khoảng 50cm, dài 80cm màu trắng xanh, trên máy có ghi EB829C0239F8CC58 (đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong máy);
  - 04 mộc số màu đỏ đen hiệu Colop;
  - 01 mộc số màu xám hiệu Shiny;
  - 03 phôi mộc dấu tròn bằng đồng, cán gỗ chưa khắc nội dung dấu;

- 01 hộp mực dầu màu đỏ;
- 02 hộp mực dầu màu xanh;
- 22 tờ giấy khổ A4 có ghi “giấy xác nhận thời gian công tác”;
- 05 mộc dầu đóng ngày, tháng, năm màu xanh hiệu Colop;
- 37 các dấu hình chữ nhật chưa qua sử dụng hiệu Dstamp;
- 30 các dấu hình chữ nhật chưa qua sử dụng hiệu Colop;
- 18 cán phôi dầu tròn chưa qua sử dụng hiệu Dstamp;
- 05 cán phôi dầu tròn chưa qua sử dụng hiệu Colop;
- 01 dấu tròn ghi Công ty TNHH D3 màu đỏ;
- 01 phôi dầu đã khắc có nội dung: Công ty TNHH MTV T8 - ÚT OANH;
- 01 phôi dầu đã khắc có nội dung: UBND XÃ HOÀ TÚ 2 - HUYỆN MỸ XUYỀN - TỈNH SÓC TRĂNG;
- 01 phôi dầu đã khắc có nội dung: VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG RẠCH GIÁ;
- 01 phôi dầu đã khắc có nội dung: CÔNG TY TNHH C7;
- 01 phôi dầu đã khắc có nội dung: CÔNG TY TNHH C8 VĨNH;
- 01 phôi dầu đã khắc có nội dung: CÔNG TY TNHH T11 TƯỜNG;
- 01 phôi dầu đã khắc có nội dung: U;
- 01 phôi dầu đã khắc có nội dung: NGÂN HÀNG TMCP N6 – CHI NHÁNH N7;
- 01 phôi dầu đã khắc có nội dung: Bưu cục ĐẠI LÝ 3.2;
- 01 phôi dầu đã khắc có nội dung: GIÁM ĐỐC HỒ MẠNH THỌ;
- 01 phôi dầu đã khắc có nội dung: NGUYỄN THANH PHONG;
- 01 phôi dầu đã khắc có nội dung: BẢN SAO;
- 01 phôi dầu đã khắc có nội dung: GIÁM ĐỐC HUỖNH ÚT;
- 01 phôi dầu đã khắc có nội dung: cửa hàng M1 chuyên cung cấp sỉ và lẻ văn phòng phẩm;
- 01 phôi dầu đã khắc có nội dung: Cửa hàng M1 kinh doanh nguyên vật liệu ngành khắc các hộp mực;
- 01 phôi dầu đã khắc có nội dung: CÔNG TY CỔ PHẦN T12;
- 01 ĐTDĐ hiệu Iphone 6, số imei: FFMQ81T3G5MM (đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong máy);
- 01 ĐTDĐ hiệu Iphone 6, số imei: 359311063234445 (đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong máy);

*\* Vào ngày 01/3/2023, khi khám xét chỗ ở của Đ2 tại Phòng số 3, 11/18 DT743B, Khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương, thu giữ được tại đây (bl.573):*

- 01 thẻ Ngân hàng A4 số 9704-1624-6644-7255 tên VU VAN DAI; số tài khoản 4526157;

- 01 thẻ Ngân hàng MSB số 4022-0400-4712-5127 tên VU VAN DAI;

- 01 thẻ tín dụng Vietcredit số 9704-6033-0637-0066; số tài khoản 21886982;

- 01 sổ màu đen hiệu Sunrise;

- 01 ĐTDĐ Iphone X màu trắng, imei: 359410084336179, sim Viettel số: 8984-048000-32051-3862 (đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong máy);

- 01 ĐTDĐ Iphone SE màu bạc, Imei: 356609080799313, sim Viettel số: 8984-048000-32051-3862 (đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong máy);

- 01 ĐTDĐ Iphone SE màu vàng đồng, I: 356598081904750, sim Viettel số: 8984-04800-03809-39363 (đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong máy);

- 01 xe mô-tô V1, hiệu Honda, biển số 18L1-384.27, xe do chị Tống Thị Y (vợ của Đ2) đứng tên đăng ký chủ sở hữu (bl.697).

*\* Theo Kết luận giám định số 1960/KL-KTHS ngày 04/4/2023 của Phòng K3 Công an Thành phố H, kết luận: 01 GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV559322 đã chuyển nhượng cho bà Trần Quỳnh C (sinh năm 1974, CCCD số 001174025081) là giả và 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN794266 đã chuyển nhượng cho Công ty TNHH X, là giả (bl.88).*

*\* Theo Kết luận giám định số 2948/KL-KTHS ngày 04/4/2023 của Phòng K3 Công an Thành phố H, kết luận: Hình dấu tròn có nội dung “SỞ TƯ PHÁP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH-PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 4” trên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 58659 giữa Công ty TNHH X và Trần Quỳnh C, đề ngày 16/02/2023 so với hình dấu tròn của Phòng C6 trên tài liệu mẫu so sánh là Biên bản thu mẫu hình dấu của Phòng C6 – Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh, đề ngày 22/02/2023 không phải do cùng một con dấu đóng ra (bl.89).*

*\* Theo Kết luận giám định số 4297/KL-KTHS ngày 09/6/2023 của Phòng K3 Công an Thành phố H, kết luận:*

*- GCNQSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 216595, đứng tên Cao Thị L4 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DE 577641, đứng tên Trần Văn H4*

*là giả (bản in, hình dấu tròn được làm giả bằng phương pháp in phun màu, chữ ký được ký giả trực tiếp).*

*- Hình dấu tròn có nội dung “Sở Kế hoạch và Đầu tư - Thành phố Hồ Chí Minh - Phòng đăng ký kinh doanh” trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T8, mã số doanh nghiệp C5, đứng tên công ty: Công ty TNHH X, đề ngày 06/01/2022 và Thông báo về cơ quan thuế quản lý, đề ngày 06/01/2022, là thật.*

*- Bản in 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, đứng tên Công ty TNHH X, gồm: Số CP 572404, đề ngày 26/4/2019, số CP 572434, đề ngày 26/4/2019, số CT 566930, đề ngày 28/11/2019 được làm giả bằng phương pháp in phun màu.*

*- Không đủ cơ sở kết luận bản in, chữ ký đứng tên Võ Thành T4 trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Chữ ký đứng tên Phạm Xuân N3 và hình dấu tròn trên 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, đứng tên Công ty TNHH X, gồm: Số CP 572404, đề ngày 26/4/2019, số CP 572434, đề ngày 26/4/2019, số CT 566930, đề ngày 28/11/2019 là thật hay giả.*

*- Chữ ký đứng tên Võ Thành T4 trên Thông báo về cơ quan thuế quản lý là chữ ký sao chụp nên không tiến hành giám định (bl.90).*

*\*Theo Kết luận giám định số 8741/KL-KTHS ngày 07/9/2023 của Phòng K3 Công an Thành phố H, kết luận:*

*- GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số ĐD 035128, đứng tên Lê Thị N4 đề ngày 29/6/2022 là thật. Không đủ cơ sở kết luận giám định chữ ký đứng tên Huỳnh Minh S và hình dấu tròn có nội dung “CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM – SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH GIA LAI” là thật hay giả.*

*- GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG 064516, đứng tên Công ty Cổ phần Đ4, đề ngày 21/7/2022, là thật. Không đủ cơ sở kết luận giám định chữ ký đứng tên Diệp Trường V2 và hình dấu tròn có nội dung “CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM – SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÌNH PHƯỚC” là thật hay giả.*

*- GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số cp 572404, đứng tên Công ty TNHH X đề ngày 26/4/2019, được làm giả bằng phương pháp in phun màu. Không đủ cơ sở kết luận giám định chữ ký tên Phạm Xuân N3 là thật hay giả.*

*-06 tờ giấy A4 có chữ ký đứng tên Vũ Văn D1, ghi ngày 10/3/2023 có in hình ảnh với nội dung như sau: “ĐĂNG KÝ XE Ô TÔ” số 000507, đứng tên C9, biển số đăng lý 14A-016.12, đề ngày 14/6/2011; “CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE Ô TÔ, XE MÁY” số 020565, đứng tên Lê Hữu A3, biển số đăng ký 86B7-338.82, đề ngày 29/5/2018; “CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE Ô TÔ, XE MÁY” số 29008813, đứng tên Đỗ Hữu K1, biển số đăng ký 29V5-640.83, đề ngày*

12/10/2021; “CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE MÔ TÔ, XE MÁY” số 024174, đứng tên Kiều Văn B, biển số đăng ký 29V7-322.61, đề ngày 30/3/2017; “CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE MÔ TÔ, XE MÁY” số 29034218, đứng tên Trần Danh Thái H5, biển số đăng ký 29E2-955.43, đề ngày 16/02/2023; “CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE MÔ TÔ, XE MÁY” số 29319667, đứng tên Chu Nhân S1, biển số đăng ký 30K-164.98, đề ngày 18/01/2023, được làm giả bằng phương pháp in phun màu.

- 01 Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 28, đề ngày 19/7/2020, đứng tên người được xác nhận Phạm Hồng T5, được làm giả bằng phương pháp in phun màu (bl.886 và 887).

\* Về mặt dân sự: Ông D và bà C yêu cầu N bồi thường 7.581.000.000đ. N chưa bồi thường.

Trong quá trình điều tra:

- Bà C3 đã nộp lại số tiền 6.500.000đ (là tiền hưởng lợi từ việc bán USD cho N); Bà P1 nộp lại số tiền 100.000.000đ; Ông Q nộp lại 2.000.000đ; Bà T1 nộp lại 2.000.000đ; Ông H3 nộp lại số tiền 100.000.000đ; Thu giữ được của bị cáo N 19.000.000đ và 3.200USD.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan Công an còn thu giữ một số đồ vật của người liên quan như sau:

Thu giữ của ông Lê Nhật P2 (người được D1 thuê giao giấy tờ giả cho N) 01 điện thoại di động NOKIA;

Thu giữ của ông Đào Văn K2 (bạn của bị cáo N) 01 điện thoại hiệu Iphone;

Thu giữ của bà Đào Ngọc Y1 (em của ông K2) 01 điện thoại Iphone, có viền màu tím, không có khe sim;

Thu giữ của bà Phan Thị S2 (mẹ của ông K2) 01 điện thoại hiệu Samsung.

Thu giữ của bà Nguyễn Thị Hồng C3 (người bán USD cho N) 01 điện thoại hiệu Iphone (khe:... 3762); 01 điện thoại hiệu Iphone (khe:... 918);

Thu giữ của bà Nguyễn Châu Hồng H6 (con của bà C3) 01 điện thoại hiệu Iphone (khe:... 5879); 01 điện thoại hiệu Iphone (khe:... 4958);

Thu giữ của bà Hà Thị Huyền L2 (người được N thuê làm dịch vụ thành lập Công ty X.

Tại Bản Cáo trạng số 231/CT-VKS-P2 ngày 08/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo như sau:

- Truy tố Nguyễn Thành N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174, điểm a và b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Bộ luật hình sự).

- Truy tố Nguyễn Xuân V về tội “Làm giả con dấu của cơ quan, tổ chức” theo điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự.

- Truy tố Vũ Văn D1 về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm a và c khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự.

- Truy tố Vũ Văn Đ2 về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm c và đ khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Đối với Võ Thanh H3, Nguyễn Thị Kim P1, Dương Thị Kiều T1, Hà Thị Huyền L2, Nguyễn Mạnh Q khai không biết việc N sử dụng tên người khác để thành lập công ty và sử dụng tài liệu giả để “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” của người khác nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H không xử lý.

Bà Nguyễn Thị Hồng C3 không biết số tiền mà N đem đến đổi là tiền do phạm tội mà có. Đồng thời, bà C3 khai không hướng dẫn N mang 310.000USD đến cổng chính của chợ T13 để giao dịch đổi sang tiền ảo USDT của sàn giao B1. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý đối với bà C3 là có cơ sở. Tuy nhiên, H7 kinh doanh của bà C3 không được cấp phép đổi ngoại tệ. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đã có Công văn đề nghị Ủy ban nhân dân quận T xử phạt hành chính về việc bà C3 quy đổi tiền Việt Nam đồng sang tiền ngoại tệ cho Nguyễn Thành N.

Đối với đối tượng có tên gọi “Soái Ca” là đối tượng không rõ lai lịch (chưa rõ lai lịch), Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục truy xét làm rõ để xử lý sau.

***Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 151/2024/HS-ST ngày 09/4/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã quyết định:***

1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174, điểm a và b khoản 3 Điều 341, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g và h khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành N 15 (mười lăm) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 05 (năm) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 20 (hai mươi) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 01/3/2023.

2. Căn cứ Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự,

G trả cho ông Nguyễn Ngọc D và bà Trần Quỳnh C 229.500.000đ (hai trăm hai mươi chín triệu, năm trăm nghìn đồng), bao gồm: 6.500.000đ thu giữ của bà Nguyễn Thị Hồng C3, 100.000.000đ thu giữ của bà Nguyễn Thị Kim P1, 2.000.000đ thu giữ của ông Nguyễn Mạnh Q, 2000.000đ thu giữ của bà Dương Thị Kiều T1, 100.000.000đ thu giữ của ông Võ Thanh H3, 19.000.000đ thu giữ của bị cáo Nguyễn Thành N (toàn bộ số tiền vừa nêu đang được gửi giữ trong tài khoản của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Thành phố H mở tại Kho bạc Nhà nước Quận A, theo Giấy nộp tiền ngày 23/5/2023, Giấy nộp tiền số 9127560 ngày 15/5/2023, Giấy nộp tiền số 9127563 ngày 15/5/2023, Giấy nộp tiền số 9127564 ngày 15/5/2023, Giấy nộp tiền số 9127562 ngày 15/5/2023, Giấy nộp tiền số 9564426 ngày 25/9/2023 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần C10 (B3.976-984, 1053, 1954);

Buộc bị cáo Nguyễn Thành N bồi thường cho ông Nguyễn Ngọc D và bà Trần Quỳnh C 7.551.500.000đ (bảy tỷ, năm trăm năm mươi một triệu, năm trăm nghìn đồng).

Truy thu, buộc các bị cáo Nguyễn Xuân V, Vũ Văn D1 và Vũ Văn Đ2 phải nộp lại tiền thu lợi bất chính để sung vào Ngân sách Nhà nước, số tiền mà từng bị cáo phải nộp lại như sau:

- Nguyễn Xuân V: 5.500.000đ (năm triệu, năm trăm nghìn đồng);
- Vũ Văn D1: 74.000.000đ (bảy mươi bốn triệu đồng);
- Vũ Văn Đ2: 13.000.000đ (mười ba triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Xuân V, Vũ Văn D1, Vũ Văn Đ2; xử lý vật chứng, về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05 tháng 8 năm 2024, người bị hại là ông Nguyễn Ngọc D, bà Trần Quỳnh C có đơn kháng cáo đề nghị hủy bản án để điều tra xét xử lại đối với số tiền 7.400.000.000 đồng mà bị cáo N đã chiếm đoạt của bị hại.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Bị hại là ông Nguyễn Ngọc D, bà Trần Quỳnh C đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm do việc điều tra số tiền chiếm đoạt không rõ ràng, không đúng quy định của pháp luật. Đồng thời Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét tính lỗi suất cho bị hại; bị hại có yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét mà tách ra giải quyết là không đúng quy định của pháp luật.

Các bị cáo Vũ Văn D1, Vũ Văn Đ2 đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:* Bản án sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Thành N về tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và buộc bị cáo N có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bị hại là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã trả hồ sơ điều tra bổ sung để làm rõ số tiền bị cáo chiếm đoạt và cơ quan điều tra đã thực hiện điều tra bổ sung theo đúng quy định của pháp luật. Do đó, kháng cáo của bị hại đề nghị hủy án để làm rõ số tiền chiếm đoạt là không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc D, bà Trần Quỳnh C làm trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét tại cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo Nguyễn Thành N, Nguyễn Xuân D2 và người bào chữa cho bị cáo N đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên căn cứ Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thành N, Nguyễn Xuân V, Vũ Văn D1, Vũ Văn Đ2 không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét lại.

[3] Đối với kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc D, bà Trần Quỳnh C đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại đối với số tiền 7.400.000.000 đồng mà bị cáo N đã chiếm đoạt của bị hại vì cho rằng việc điều tra liên quan đến số tiền 7.400.000.000 đồng không rõ ràng, bị tác động bởi Cơ quan điều tra, trong thời gian gần một năm nhưng điều tra chỉ kết luận bị cáo N đã đầu tư thua lỗ hết số tiền này; đồng thời bị hại nghe được Cơ quan điều tra đã thu hồi số tiền 1,7 tỷ đồng và 01 chiếc xe ô tô của bị cáo N.

Xét, sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án bị cáo Nguyễn Thành N bị truy tố về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức”. Ngày 28/9/2023, Tòa án cấp sơ thẩm đã có Quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung để làm rõ nội dung: *“Số tiền chiếm đoạt của bị hại đã được bị cáo N sử dụng vào việc gì (không kể số tiền đã chia cho các bị cáo khác), có biện pháp thu hồi để đảm bảo quyền lợi cho các bị hại. Theo lời khai của N thì hầu hết số tiền chiếm đoạt đã được N nạp vào ví điện tử sàn giao dịch tiền ảo Binance, thực hiện các lệnh giao dịch F và thua hết nhưng không có tài liệu chứng minh tính xác thực và lời khai này của N. Do vậy, cần trích xuất dữ liệu điện thoại của N, thu thập các thông tin về tài khoản Binance của N để làm rõ”*.

Sau đó, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Thành phố H đã tiến hành lấy lời khai của Nguyễn Thành N và kết quả điều tra bổ sung xác định: Sau khi chiếm đoạt số tiền 7.340.000.000 đồng của bị hại thì N đã quy đổi số tiền 7.340.000.000 đồng sang tiền đô la Mỹ được 310.000 USD và chuyển số tiền 310.000 USD này vào ví điện tử của N trên sàn giao dịch tiền ảo Binance. Sau đó, N dùng điện thoại Iphone 6 để thực hiện các giao dịch đầu tư tiền ảo trên sàn Binance; Lúc này, N muốn kiếm tiền nhiều nên đã thực hiện các lệnh giao dịch Future nhiều lần dẫn đến thua hết số tiền 310.000 USD. Sau đó, N sợ bị lực lượng Công an theo dõi nên đã ném bỏ chiếc điện thoại Iphone 6 màu đen xuống con kênh gần cầu trên đường N, huyện B. Hiện nay N không nhớ thông tin về tài khoản ví điện tử, tài khoản đăng ký giao dịch tiền ảo trên sàn Binance. Cơ quan điều tra không thu hồi được điện thoại Iphone 6 của N nên không tiến hành trích xuất dữ liệu điện thoại và không thu thập được các thông tin về tài khoản ví điện tử, tài khoản đăng ký giao dịch tiền ảo trên sàn Bicanne của N.

Quá trình giải quyết vụ án bị cáo Nguyễn Thành N cũng thừa nhận đã dùng số tiền bị cáo chiếm đoạt của bị hại để đầu tư tiền ảo trên sàn B1 và thua lỗ hết. Bị hại cho rằng nghe được Cơ quan điều tra đã thu hồi số tiền 1,7 tỷ đồng và 01

chiếc xe ô tô của bị cáo N nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh.

Như vậy, việc điều tra về số tiền bị cáo N chiếm đoạt của bị hại đã được Cơ quan điều tra thực hiện điều tra theo đúng quy định của pháp luật. Bị hại kháng cáo đề nghị hủy án để điều tra xét xử lại là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Từ những phân tích và nhận định nêu trên; Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc D, bà Trần Quỳnh C; Giữ nguyên bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự.

[5] Do kháng cáo về phần trách nhiệm dân sự của ông Nguyễn Ngọc D, bà Trần Quỳnh C không được chấp nhận nên ông D và bà C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Thành N, Nguyễn Xuân V, Vũ Văn D1, Vũ Văn Đ2; về xử lý vật chứng, tiền thu lợi bất chính không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự;

*Tuyên xử:*

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc D, bà Trần Quỳnh C; Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 278/2024/HS-ST ngày 13 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về trách nhiệm dân sự.

2. Căn cứ Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

2.1. Giao trả cho ông Nguyễn Ngọc D và bà Trần Quỳnh C 229.500.000đ (hai trăm hai mươi chín triệu, năm trăm nghìn đồng), bao gồm: 6.500.000đ thu giữ của bà Nguyễn Thị Hồng C3, 100.000.000đ thu giữ của bà Nguyễn Thị Kim P1, 2.000.000đ thu giữ của ông Nguyễn Mạnh Q, 2000.000đ thu giữ của bà Dương Thị Kiều T1, 100.000.000đ thu giữ của ông Võ Thanh H3, 19.000.000đ thu giữ của bị cáo Nguyễn Thành N (toàn bộ số tiền vừa nêu đang được gửi giữ trong tài khoản của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Thành phố H mở tại Kho bạc Nhà nước Quận A, theo Giấy nộp tiền ngày 23/5/2023, Giấy nộp tiền số 9127560 ngày 15/5/2023, Giấy nộp tiền số 9127563 ngày 15/5/2023, Giấy nộp tiền số 9127564 ngày 15/5/2023, Giấy nộp tiền số 9127562 ngày 15/5/2023, Giấy nộp tiền số 9564426 ngày 25/9/2023 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần C10 (B3.976-984, 1053, 1954);

2.2. Buộc bị cáo Nguyễn Thành N bồi thường cho ông Nguyễn Ngọc D và bà Trần Quỳnh C 7.551.500.000đ (bảy tỷ, năm trăm năm mươi một triệu, năm trăm nghìn đồng).

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người có quyền yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành khoản tiền bồi thường đã nêu ở phần trên, người phải thi hành án còn phải trả thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật sự năm 2015.*

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Ngọc D và bà Trần Quỳnh C phải nộp 300.000 đồng.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Thành N, Nguyễn Xuân V, Vũ Văn D1, Vũ Văn Đ2; Về xử lý vật chứng, tiền thu lợi bất chính không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP.Hồ Chí Minh;
- TAND TP. Hồ Chí Minh (5);
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Công an TP. Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp TP. Hồ Chí Minh;
- Cục THADS TP. Hồ Chí Minh;
- TTG Công an TP. Hồ Chí Minh;
- (để tổng đạt cho bị cáo) (5)
- Lưu VT (5), HS (2) 24b (Ấn-NPH).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Tuyết Trinh**